

Số: 99 /TTr-XD, NN&MT

Hoà Bình, ngày 08 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển thành phố Hải Phòng
thích ứng với biến đổi khí hậu, phường Hoà Bình**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hoà Bình

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 và Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết về thi hành Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/1/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định 1446/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án " Phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu" vay vốn WB;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 18/02/2026 của UBND thành phố về việc phê duyệt Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ các Trích đo bản đồ địa chính số: 01, 02, 03, 04 - 2026 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng AE lập ngày 20/4/2026, Công ty Cổ phần Khảo sát thiết kế và dịch vụ thương mại Miền Bắc đơn vị kiểm tra ngày 23/4/2026, Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường xác nhận đo vẽ hiện trạng ngày 26/5/2026;

Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hoà Bình xem xét, phê duyệt:

1. Thu hồi diện tích **161.361,3 m²** (Một trăm sáu mươi một ngàn, ba trăm sáu mươi một phẩy ba mét vuông) đất tại phường Hòa Bình để điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu tại các Tổ dân phố Hà Luận, Tổ dân phố Chiếm Phương, Tổ dân phố Đông Môn, phường Hòa Bình.

(Kèm theo Danh sách các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện Dự án)

- Vị trí, mốc giới khu đất thu hồi theo Trích đo bản đồ địa chính số: 01, 02, 03, 04 - 2026 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng AE lập ngày 20/4/2026, Công ty Cổ phần Khảo sát thiết kế và dịch vụ thương mại Miền Bắc đơn vị kiểm tra ngày 23/4/2026, Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị xác nhận đo vẽ hiện trạng ngày 26/5/2026.

2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

2.1. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường:

- Có trách nhiệm bàn giao Thông báo thu hồi cho các hộ gia đình, cá nhân; trường hợp hộ nào không nhận Thông báo hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Hòa Bình và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư tổ dân phố có đất thu hồi theo quy định;

- Chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

2.2. Đơn vị thực hiện nhiệm vụ bồi thường (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường):

- Chủ trì, phối hợp với Phòng xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, người có đất thu hồi thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Gửi phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư; Thực hiện bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư và các nhiệm vụ khác liên quan theo quy định.

2.2. Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công:

- Có trách nhiệm đăng tải Thông báo trên trang thông tin điện tử của phường.

2.3. Quản lý đất đã được thu hồi:

- Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng phường có trách nhiệm quản lý đất đã được thu hồi trong khi chưa giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 5 Điều 86 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hoà Bình chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT. UBND phường;
- VP. HĐND&UBND phường;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Trung tâm Phục vụ sự nghiệp công;
- Lưu: VT.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH**



Hoàng Chí Dũng

DANH SÁCH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-XD,NN&MT ngày 08/10/2026 của phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Hoà Bình.

STT	Tên chủ sử dụng	Địa chỉ (Tổ dân phố)	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích dự kiến thu hồi (m2)	Ghi chú
1	UBND phường		1	1	1234,8	
2	Vũ Thị Tuyết	Hà Luận	2	1	4048,0	
3	Phan Văn Thị	Hà Luận	3	1	125,3	
4	Nguyễn Văn Chứng	Hà Luận	4	1	472,7	
5	UBND phường		5	1	522,1	
6	UBND phường		6	1	125,2	
7	Tạ Thị Tuyết	Hà Luận	7	1	78,4	
8	UBND phường		8	1	120,4	
9	Phạm Văn Bảy	Hà Luận	9	1	212,6	
10	Trần Văn Nhiên	Hà Luận	10	1	375,7	
11	Trần Văn Thông (Trần Văn Sông là con)	Hà Luận	11	1	474,9	
12	Nguyễn Văn Cường	Hà Luận	12	1	574,0	

13	UBND phường		13	1	13,0	
14	Trần Văn Thi (Thoan)	Hà Luận	14	1	87,9	
15	Trần Quốc Lan	Hà Luận	15	1	353,2	
16	UBND phường		16	1	94,3	
17	Trần Văn Cửa	Hà Luận	17	1	541,1	
18	Nguyễn Vũ Điệp (Bùi Thị Chút là vợ)	Hà Luận	18	1	608,9	
19	Trần Thị Bét	Hà Luận	19	1	502,1	
20	Trần Văn Quân	Hà Luận	20	1	149,2	
21	Trần Thị Huệ	Hà Luận	21	1	251,2	
22	UBND phường		22	1	88,6	
23	Trần Quốc Sơn (Nguyễn Thị Ngọc là vợ)	Hà Luận	23	1	289,3	
24	UBND phường (Cột Điện)		24	1	80,5	
25	Trần Quốc Núi	Hà Luận	25	1	251,5	
			30	1	214,4	
26	Phạm Văn Lịch (Nguyễn Thị Mơ)	Hà Luận	26	1	185,5	
27	Trần Quốc Khoa (Trần Thị Tuyền là	Hà Luận	27	1	361,9	

	vợ)					
28	Trần Quốc Thao	Hà Luận	28	1	360,0	
			37	1	396,0	
29	Trần Quốc Sông (Long)	Hà Luận	29	1	134,1	
30	Trần Quốc Cảnh	Hà Luận	31	1	129,7	
31	Trần Văn Tuyển (vợ là Hiền)	Hà Luận	32	1	10,0	
32	Trần Văn Hảo	Hà Luận	33	1	268,9	
33	Trần Quốc Hiền (Trần Thị Mạ)	Hà Luận	34	1	498,1	
34	Trịnh Văn Vạn	Hà Luận	35	1	575,6	
35	Trần Quốc Khảm (Trần Thị Bông là vợ)	Hà Luận	36	1	437,8	
36	Trần Quốc Thịnh	Hà Luận	38	1	346,5	
			39	1	303,4	
37	Trần Văn Chảy	Hà Luận	40	1	12,2	
38	UBND phường		41	1	268,1	
39	Trần Văn Xim (Trần Thị Thanh là vợ)	Hà Luận	42	1	1,9	
			173	1	360,2	

40	Trần Văn Chương	Hà Luận	43	1	458,9	
41	Trần Văn Hạm	Hà Luận	44	1	173,5	
			145	1	431,7	
42	UBND phường		45	1	43,6	
43	Trần Văn Cương (Phạm Thị Cảnh là vợ)	Hà Luận	46	1	303,1	
			161	1	398,4	
44	Trần Văn Đức (Roi)	Hà Luận	46	1	300,0	
45	Trần Văn Lễ	Hà Luận	47	1	301,2	
46	Trần Văn Ghê (Trần Văn Hải)	Hà Luận	48	1	264,0	
			121	1	197,0	
47	Trịnh Thị Hiên (Trần Văn Nhuận là chồng)	Hà Luận	50	1	453,6	
48	Trần Văn Phúc	Hà Luận	53	1	129,1	
49	Lại Thị Vươn , (Trần Văn Chương là con)	Hà Luận	55	1	8,4	
50	Trần Quốc Tuấn (vợ là Vũ Thị Huân)	Hà Luận	165	1	99,9	
51	Trần Văn Kiên (Lê Thị Duyệt)	Hà Luận	57	1	74,4	
52	Trần Văn Oánh	Hà Luận	58	1	823,8	

53	Trần Thị Hương (Phạm Văn Tiến là chồng)	Hà Luận	60	1	416,6	
54	Đoàn Thị Lượ	Hà Luận	61	1	168,0	
			139	1	147,0	
55	Trần Văn Kiên (Nguyệt)	Hà Luận	62	1	428,1	
56	Trần Quốc Gấn	Hà Luận	63	1	274,7	
57	Nguyễn Thị Thêu	Hà Luận	64	1	320,9	
58	Trần Văn Sinh	Hà Luận	65	1	269,0	
59	Lương Thị Bện (Trần Văn Sơn là con)	Hà Luận	66	1	115,9	
60	UBND phường		67	1	25,9	
61	UBND phường		68	1	10,9	
62	UBND phường		69	1	1340,8	
63	Lương Thị Bé	Hà Luận	70	1	398,5	
			71	1	952,4	
64	Trần Văn Hiễn, (vợ là Nguyễn Thị Quán)	Hà Luận	72	1	437,5	
65	Trần Văn Cộng (Nguyễn Thị Bích)	Hà Luận	73	1	545,9	

66	Trần Văn Bảy (vợ là Đoàn Thị Hậu)	Hà Luận	74+75	1	341,0	
67	Phạm Văn Bình	Hà Luận	76	1	397,0	
68	Phạm Văn Bộ	Hà Luận	191	1	118,6	
69	Lê Văn Toàn (Trần Thị Mái)	Hà Luận	77	1	32,0	
70	Trần Văn Khánh (Bây)	Hà Luận	79	1	388,6	
			137	1	169,1	
71	Phạm Văn Sỹ (vợ là Trần Thị Yến)	Hà Luận	81	1	473,6	
72	Trần Văn Cẩn	Hà Luận	82	1	251,1	
			134+135	1	291,6	
73	UBND phường		83	1	697,0	
74	Trần Văn Gầu	Hà Luận	86	1	532,9	
			136	1	249,6	
			3	2	168,0	
75	Trần Văn Bám	Hà Luận	3	2	172,6	
76	Trần Văn Teo	Hà Luận	87	1	525,6	
			59	1	211,8	

77	Nguyễn Thị Kỳ (Tiến)	Hà Luận	88	1	416,8	
78	Phạm Văn Thích	Hà Luận	89	1	520,8	
79	Phạm Văn Hiệp (Hoàng Thị Hoa)	Hà Luận	90	1	140,7	
80	UBND phường		92	1	3,3	
81	Đỗ Thị Hế (Trần Văn Lễ)	Hà Luận	93	1	103,5	
			138	1	133,7	
			84	1	306,3	
82	Trần Thị Sen	Hà Luận	131	1	222,9	
83	Trần Văn Chung (Trần Văn Tiến là con)	Hà Luận	94	1	243,1	
84	Trần Văn Tiễn	Hà Luận	95	1	243,2	
85	Trần Văn Khoản (Đỗ Thị Vãn)	Hà Luận	96	1	156,0	
			203	1	125,0	
86	Trần Văn Quang (vợ là Trịnh Thị Sánh)	Hà Luận	97	1	591,7	
			206	1	98,8	
			98+99	1	629,5	
			1	2	464,7	
87	Trần Văn Khuyến	Hà Luận	100	1	359,2	

			178	1	496,6	
			190	1	352,8	
			202+228	1	527,1	
88	Trần Văn Nội	Hà Luận	202	1	72,0	
89	Phạm Văn Thị	Hà Luận	101	1	252,3	
			80	1	544,7	
90	Phạm Văn Tý	Hà Luận	102	1	635,0	
91	Phạm Văn Tiêu	Hà Luận	103	1	1009,6	
			192	2	273,5	
92	Trần Văn Tuấn (Năm)	Hà Luận	105	1	16,8	
93	Trần Văn Tuấn (Tuận)	Hà Luận	132	1	235,8	
94	Trần Thị Trường	Hà Luận	106	1	154,0	
95	Phạm Văn Vở (Trần Thị Ngân là vợ)	Hà Luận	189	1	318,1	
			85	1	56,1	
			107	1	35,3	
96	Phạm Thị Xinh (Ngô Quang Chung là chồng)	Hà Luận	54	1	203,9	
			108	2	304,5	

97	Trần Thị Gạnh (Phạm Văn Chắc là chồng)	Hà Luận	204	1	245,2	
			195	1	378,6	
			231	1	241,0	
			109	1	212,4	
98	Phạm Văn Lung	Hà Luận	230	1	296,3	
			110	1	169,4	
99	Trần Văn Nha (Phạm Thị Tuyết là vợ)	Hà Luận	246	1	184,1	
			91	1	1,0	
100	Phạm Văn Thiết , (vợ là Phạm Thị Nước)	Hà Luận	111	1	236,6	
101	Ngô Văn Tiếp	Hà Luận	193	1	287,5	
			140	2	185,0	
102	Phạm Văn Khiết	Hà Luận	25	2	286,8	
			113	1	350,7	
103	Trần Văn Cát	Hà Luận	114+115	1	452,3	
			56	1	49,9	
104	UBND phường		116	1	7,0	

105	Trần Văn Nhâm	Hà Luận	117	1	359,8	
106	UBND phường		118	1	173,1	
107	Trần Văn Gián	Hà Luận	119	1	168,0	
			120	1	532,6	
108	Trần Văn Mật	Hà Luận	51	1	336,4	
			122	1	166,2	
			168	1	135,0	
109	Trần Văn Trường (Nguyễn thị Nguyệt là vợ)	Hà Luận	123	1	119,4	
			170	1	198,6	
110	Trần Văn Lực	Hà Luận	144	1	109,7	
			124	1	115,0	
			252	1	286,3	
111	Trần Quốc Tâm (Đã chuyển quyền Trần Văn Hải)	Hà Luận	48	1	444,0	
112	Phạm Văn Vĩnh (Đã chuyển quyền Trần Văn Hải)	Hà Luận	48	1	300,0	
113	Phạm Văn Vành	Hà Luận	251	1	329,0	
114	Trần Văn Hải	Hà Luận	48	1	961,0	

115	Trần Văn Nức	Hà Luận	129	1	469,8	
			247	1	209,2	
116	Trần Thị Riệu (Hoàng Văn Giáp là con)	Hà Luận	125+126	1	118,2	
117	Nguyễn Thị Bích (CCCD là Nguyễn Thị Chiến) (Trần Văn Cậy là chồng)	Hà Luận	127	1	15,0	
118	Trần Quốc Ánh (Trần Quốc Ngân)	Hà Luận	128	1	439,9	
119	Phạm Thị Dung (Phạm Quốc Cần)	Hà Luận	130	1	248,7	
120	Trần Thị Chanh	Hà Luận	133	1	253,1	
121	UBND phường		140	1	105,9	
122	UBND phường		141	1	79,1	
123	Trần Văn Nhừ	Hà Luận	142	1	395,7	
124	Trần Quốc Hanh	Hà Luận	143	1	62,7	
125	Trần Quốc Khiển	Hà Luận	243+244	1	189,8	
126	Trần Văn Thám	Hà Luận	52	1	123,6	
			147	1	204,7	
127	Trần Quốc Khiển	Hà Luận	146		148,3	

			245	1	48,6	
128	Trần Văn Lệnh	Hà Luận	148	1	189,1	
129	Lưu Thị Năm (Phạm Văn Hành là chồng)	Hà Luận	149	1	108,8	
			16(1)	2	118,5	
130	Trần Thị Xâm (Phạm Văn Vịnh là chồng)	Hà Luận	16(2)	2	118,5	
131	Trần Quốc Khiện	Hà Luận	150	1	123,9	
132	Hoàng Văn Thìn	Hà Luận	151	1	191,4	
			152	1	337,4	
133	UBND phường		153	1	3069,7	
134	Trần Văn Đề	Hà Luận	154	1	166,9	
135	Trần Văn Tồn (Trần Thị Gái)	Hà Luận	155	2	6,4	
			49	1	453,8	
136	Trần Văn Tăng	Hà Luận	156+248	1	370,3	
137	Trần Văn Nhã	Hà Luận	78	1	117,6	
			157	1	346,2	
138	Trần Thị Côi (Trần Văn Minh là chồng)	Hà Luận	158	1	389,5	

139	Trần Văn Hàm	Hà Luận	159	1	250,0	
			171	1	643,4	
140	Trần Văn Thế (Trần văn Hưng là con)	Hà Luận	160	1	258,4	
141	Trần Thị Bài (Trần Văn Nhùng, Bản, Nhường là con sử dụng)	Hà Luận	162+163+164	1	1279,8	
142	Trần Văn Me	Hà Luận	166+249	1	195,5	
143	Trần Văn Nhiều	Hà Luận	167	1	143,4	
144	Trần Thị Điểm (Lê Văn Vinh là con)	Hà Luận	169	1	45,4	
145	Hoàng Văn Tha	Hà Luận	172	1	327,9	
146	Trần Văn Quát (con là Trần Văn Sinh)	Hà Luận	174	1	55,1	
147	Trần Văn Dĩnh	Hà Luận	207	1	133,2	
			175	1	621,8	
			209	1	118,8	
			233	1	1970,2	
148	Trần Văn Phòng (Phạm Thị Khoa là	Hà Luận	176+188	1	637,0	

	vợ)					
149	UBND phường (Đất Đầm)		183	1	227,8	
150	Trần Văn Mùa	Hà Luận	199+234+235	1	1275,5	
			226	1	350,1	
			200+201	1	397,4	
			187	1	437,3	
			177	1	597,8	
			2	2	2139,7	
151	Trần Văn Hoán	Hà Luận	236	1	5,3	
			238	1	46,7	
			239	1	2,2	
152	UBND phường		179	1	19,3	
153	Trần Văn Ích	Hà Luận	180	1	206,3	
154	UBND phường		181	1	66,5	
155	Phạm Văn Chất	Hà Luận	182	1	131,4	
156	UBND phường		184	1	321,1	
157	UBND phường		185	1	21,5	

158	Trần Văn Dũng (Vợ là Phạm Thị Hiền)	Hà Luận	186	1	272,0	
			225	1	231,1	
159	Phạm Văn Luyện	Hà Luận	194	1	290,9	
			24	2	47,6	
160	Phạm Văn Mạnh	Hà Luận	196	1	423,4	
			26	2	306,1	
161	Phạm Văn Sáng	Hà Luận	197	1	350,0	
			205	1	274,7	
162	UBND phường		198	1	552,3	
163	UBND phường		208	1	8,7	
164	UBND phường		210	1	34,8	
165	Trần Thị Mỏng (Nấu)	Hà Luận	211	1	158,4	
166	Phạm Văn Quỳnh sử dụng cùng Trần Thị Mỏng, Phạm Văn Thực và Phạm Thị Quỳnh	Hà Luận	212	1	39,1	
167	Trần Thị Mỏng	Hà Luận	213	1	64,5	
168	Phạm Văn Quỳnh	Hà Luận	214	1	63,2	

169	Trần Văn Thuận	Hà Luận	215	1	131,0	
170	Lê Thị Thanh Hồng	Hà Luận	216	1	42,0	
171	Hoàng Hữu Huy	Hà Luận	216	1	50,6	
172	Nguyễn Trịnh Hoàng	Hà Luận	216	1	50,0	
173	Diện tích sử dụng chung của ông Nguyễn Trịnh Hoàng, Cao Đức, Hoàng Hữu Huy, Nguyễn Bùi Hắc	Hà Luận	216	1	61,7	
174	Phạm Thị Hoàn	Hà Luận	217	1	137,1	
175	Nguyễn Thị Thảo	Hà Luận	218	1	113,8	
176	Lê Văn Ngo (vợ là Vũ Thị Hải Yến)	Hà Luận	240	1	95,4	
177	Lê Thị Trà Vy	Hà Luận	241	1	75,4	
178	Tạ Thị Thu Hà	Hà Luận	242	1	74,1	
179	Phạm Văn Tý (vợ là Nguyễn Thị Loan)	Hà Luận	219	1	22,6	
180	Phạm Thị Hoài	Hà Luận	220	1	25,0	
181	UBND phường		221	1	11,1	
182	Trần Văn Hải (vợ là Phạm Thị	Hà Luận	222	1	88,8	

	Loan)					
183	Trần Văn Hưng	Hà Luận	223	1	199,0	
184	UBND phường		224	1	23,0	
185	UBND phường		227	1	71,9	
186	Phạm Văn Luân	Hà Luận	229	1	176,3	
187	Phạm Văn Nấu	Hà Luận	232	1	51,8	
188	UBND phường		237	1	8,2	
189	Nguyễn Thị Ất (Trần Văn Mục)	Hà Luận	4	2	319,3	
190	UBND phường		5	2	114,7	
191	UBND phường		6	2	526,7	
192	Hoàng Văn Năm	Hà Luận	8	2	483,0	
193	Trịnh Thị Điện	Hà Luận	9	2	410,3	
194	Hoàng Văn Cư	Hà Luận	10	2	662,5	
			19	2	210,7	
195	Phạm Văn Lạc (Trần Thị Thường)	Hà Luận	11	2	1066,2	
196	Trần Văn Nhanh	Hà Luận	12	2	497,3	

197	UBND phường		14	2	1283,7	
198	Trần Thị Hương (chồng là Phạm Văn Tiến)	Hà Luận	15	2	7,7	
199	Trần Văn Cơ (vợ là Mạc Thị Nên)	Hà Luận	17	2	468,2	
			27	2	1135,2	
200	UBND phường		18	2	447,5	
201	Hoàng Văn Phương	Hà Luận	20	2	429,7	
202	Hoàng Văn Mỹ	Hà Luận	21	2	132,9	
203	Hoàng Văn Chê	Hà Luận	22	2	103,4	
204	Trần Văn Chiến (Vợ là Đạt)	Hà Luận	23	2	345,3	
205	UBND phường		28	2	1032,5	
206	UBND phường		13	2	387,5	
207	Vũ Văn Vinh	Hà Luận	29	2	884,1	
208	UBND phường (Diện tích thu hồi ngoài chỉ giới của ông Hích, dự án rau sạch tại thửa 66 tờ bản đồ 05)		30	2	119,0	
209	Hoàng Văn Hích	Hà Luận	58	2	577,7	

210	UBND phường (Diện tích thu hồi ngoài chỉ giới dự án rau sạch từ ông Đỗ Văn Thận)		31	2	138,7	
211	Đỗ Văn Thận (Trần Thị Thắm là vợ)	Hà Luận	82	2	268,6	
			75	2	168,9	
212	UBND phường		251	2	1,7	
213	UBND phường		252	2	27,8	
214	Trần Văn Mạc (Hoàng Thị Tấn)	Hà Luận	44	2	312,2	
			61	2	96,1	
215	Trần Văn Kế	Hà Luận	253	2	23,1	
216	UBND phường		254	2	55,5	
217	UBND phường		32	2	728,6	
218	UBND phường		33	2	228,6	
219	Trần Văn Vy	Hà Luận	34	2	278,3	
			81	2	259,5	
220	Trần Thị Tuy (Trần Thị Lan là con dâu)	Hà Luận	35	2	281,1	
221	Trần Văn Hà	Hà Luận	36	2	275,3	

			41	2	546,9	
			54	2	860,2	
			50	2	96,8	
			55	2	134,8	
222	UBND phường		37	2	115,2	
223	UBND phường		38	2	266,8	
224	Trần Văn Lê	Hà Luận	39	2	215,0	
225	Trần Văn Định	Hà Luận	40	2	89,2	
226	Trần Văn Đán	Hà Luận	42	2	678,4	
227	Trần Văn Ngà	Hà Luận	43	2	1326,2	
			56	2	566,0	
			57	2	56,1	
228	Trần Văn Ngà (+ Trần Văn Ngọc)	Hà Luận	64	2	870,4	
229	UBND phường		45	2	239,3	
230	Trần Văn Kế	Hà Luận	46	2	443,5	
231	Trần Quốc Ngạch	Hà Luận	47	2	78,4	
			255	2	83,6	

232	Trần Văn Chín (Lưu Thị Tần là vợ)	Hà Luận	48	2	132,7	
		Hà Luận	74	2	513,6	
233	Trần Văn Tý (Bùi Thị Ránh là vợ)	Hà Luận	49	2	193,2	
234	Trần Văn Đản (Bùi Thị Thuộc)	Hà Luận	51	2	349,3	
235	UBND phường		52	2	1060,1	
236	Trần Văn Mùa (Bùi Thị Lả)	Hà Luận	53	2	156,6	
237	UBND phường		59	2	285,0	
238	Trần Văn Xu (Nguyễn Thị Mạ là vợ)	Hà Luận	60	2	29,5	
239	Trần Văn Dinh	Hà Luận	256	2	304,0	
			258	2	118,4	
240	UBND phường		257	2	12,1	
241	Trần Văn Tý	Hà Luận	259	2	69,3	
242	Trần Văn Tuyển	Hà Luận	62	2	428,1	
			73	2	256,0	
243	Trần Văn Thanh (Mạc)	Hà Luận	63	2	605,1	
			83	2	10,3	

244	Trần Văn Vạn	Hà Luận	65	2	734,1	
245	Trần Văn Rõ	Hà Luận	66	2	407,4	
246	Trần Văn Minh (Xá là vợ)	Hà Luận	67	2	74,8	
247	Trần Văn Xây	Hà Luận	68	2	98,8	
248	Trần Văn Hiếu (Trần Tiến Bộ là con)	Hà Luận	69	2	111,7	
249	Đỗ Văn Thuận	Hà Luận	70	2	139,6	
250	Hoàng Văn Thời	Hà Luận	71	2	11,9	
251	UBND phường		72	2	587,8	
252	Hoàng Văn Sinh (Đoàn Thị Na là vợ)	Hà Luận	76	2	12,6	
			79	2	607,6	
253	Trần Văn Vượng	Hà Luận	77	2	99,0	
254	Trần Văn Chắc	Hà Luận	78	2	215,6	
255	Trần Tiến Bộ (Trần Văn Bộ)	Hà Luận	80	2	503,1	
256	Trần Văn Đăng	Hà Luận	84	2	123,1	
257	UBND phường		85	2	223,3	
258	Trần Thị Châu (Phạm Thị Nhung là	Chiếm	86	2	346,8	

	con dâu)	Phuong	114	2	9,0	
259	Nguyễn Văn Phê (vợ là Trịnh Thị Nhã)	Chiếm Phuong	87	2	388,4	
260	Trịnh Văn Bình	Chiếm Phuong	88	2	332,6	
261	Trần Văn Hải	Chiếm Phuong	89	2	274,6	
262	Trịnh Văn Sáu	Chiếm Phuong	90	2	322,7	
263	Trịnh Văn Chờ	Chiếm Phuong	92	2	262,0	
			105	2	10,1	
264	Phạm Văn Tiến (vợ là Nguyễn Thị Ngũ)	Chiếm Phuong	94+95	2	718,1	
265	Trịnh Văn Tâm	Chiếm Phuong	119	2	59,9	
			96	2	366,6	
266	Trịnh Văn Ích	Chiếm Phuong	97	2	511,0	
267	UBND phường		98	2	9,3	
268	Trịnh Văn Ninh	Chiếm Phuong	99+115	2	381,5	
			101	2	558,4	
			116	2	21,2	

269	Trịnh Văn Nguyệt (Đỗ Thị Minh là vợ)	Chiếm Phương	100	2	108,0	
			100	2	63,5	
270	Phạm Thị Viễn	Chiếm Phương	93+102	2	450,1	
			91	2	261,5	
271	UBND phường		103	2	239,3	
272	UBND phường		104	2	3,5	
273	Trần Thị Mỹ (chồng là Vũ Văn Bỉ)	Chiếm Phương	106	2	539,4	
274	UBND phường		107	2	2,8	
275	UBND phường		108	2	2,2	
276	Trần Văn Điệp	Chiếm Phương	109	2	359,6	
277	Trịnh Văn Thu (vợ là Lê Thị Vở)	Chiếm Phương	110	2	207,1	
278	Trịnh Văn Nguyệt (Chung)	Chiếm Phương	111	2	430,2	
			122	2	64,4	
279	UBND phường		112	2	5,6	
280	UBND phường		113	2	4,4	
281	UBND phường		117	2	39,4	

282	UBND phường		118	2	329,6	
283	Đỗ Thị Vẽ (con là Vũ Văn Phương)	Chiếm Phương	120+121	2	753,6	
284	UBND phường		123	2	103,0	
285	UBND phường		124	2	277,7	
286	UBND phường		125	2	384,3	
287	UBND phường		126	2	565,1	
288	UBND phường		127	2	1430,6	
289	UBND phường		128	2	247,5	
290	UBND phường		129	2	497,8	
291	UBND phường		130	2	28,9	
292	Phạm Văn Bùng	Đông Môn	131	2	69,1	
293	Nghiêm Văn Lợi	Chiếm Phương	211	2	516,3	
			135	2	369,5	
294	Đỗ Văn Tiệp	Chiếm Phương	136	2	293,9	
			141	2	329,5	
295	Trịnh Văn Luân	Chiếm Phương	137	2	228,9	

296	Phạm Văn Lửa	Đông Môn	137(1)	2	228,9	
297	Trịnh Văn Út (Trịnh Văn Vân)	Chiếm Phương	138	2	302,1	
298	Trịnh Văn Đăng	Chiếm Phương	139+140	2	393,4	
299	Trịnh Văn Tâm (Đỗ Thị Lương là vợ)	Chiếm Phương	143	2	535,0	
300	Trần Thị Dung	Chiếm Phương	145	2	341,5	
			190	2	485,6	
301	Vũ Văn Hải (Chiến)	Chiếm Phương	146	2	24,1	
302	Trần Văn Ngừng	Đông Môn	147	2	59,0	
303	Trịnh Văn Luân	Chiếm Phương	148	2	487,7	
304	Phạm Văn Nhượng	Chiếm Phương	151	2	495,2	
305	Bùi Thị Hằng (Mậm)	Chiếm Phương	152	2	486,9	
306	Đỗ Văn Châm (Bùi)	Chiếm Phương	153	2	475,9	
307	Phạm Văn Gân (Nguyễn Thị Bé là vợ)	Đông Môn	154	2	23,9	
308	Phạm Thị Tách (chồng là Tô Mạnh Nghĩa)	Đông Môn	155	2	6,4	

309	Phạm Văn Lưới	Đông Môn	156	2	21,9	
310	Đỗ Văn Xếp (Trần Thị Toan là vợ)	Chiếm Phương	157	2	402,3	
311	Phạm Thị Thạo	Chiếm Phương	158	2	376,8	
312	Trịnh Văn Thìn (Bùi Thị Xoa là vợ)	Chiếm Phương	159	2	460,8	
313	Phạm Văn Bột (Đoàn Thị Nghĩa)	Chiếm Phương	160	2	70,9	
314	Trịnh Văn Đường (Thu)	Chiếm Phương	161	2	128,1	
315	Phạm Văn Năm (Gọn là vợ)	Chiếm Phương	150	2	445,6	
			162	2	123,3	
316	Trịnh Văn Lùng (Trần Thị Biên)	Chiếm Phương	163	2	403,6	
317	Phạm Văn Tập (Hùng)	Chiếm Phương	164	2	346,8	
318	Trịnh Văn Trọng	Chiếm Phương	142	2	423,4	
			165	2	358,5	
319	Nguyễn Thị Lân	Chiếm Phương	166	2	351,3	
320	Trịnh Văn Phương (Bảo)	Chiếm Phương	167	2	387,7	
321	Phạm Văn An	Chiếm Phương	168	2	59,7	

322	Phạm Văn Lợi	Đông Môn	169	2	151,5	
323	Đỗ Văn Hạnh (Viễn là vợ)	Chiếm Phương	170	2	94,9	
			198	2	74,3	
324	Trịnh Văn Hiền (Sông)	Đông Môn	171	2	120,0	
325	Lưu Thị Canh (Quế)	Chiếm Phương	172	2	396,2	
326	Trịnh Văn Ty (Quế)	Chiếm Phương	178	2	255,9	
			185	2	472,2	
327	Trịnh Văn Quyết (Vũ Thị Liệu là vợ)	Chiếm Phương	173	2	266,0	
			217	2	135,9	
328	Phạm Văn Sanh	Đông Môn	133+134	2	395,5	
			174+175	2	360,7	
			184	2	367,5	
329	Phạm Văn Kỳ	Chiếm Phương	177	2	421,9	
330	Phạm Văn Găng	Đông Môn	179	2	189,0	
331	Phạm Văn Định (Nguyễn Thị Nhâm là vợ)	Đông Môn	180	2	139,2	

332	Đỗ Văn Gặp	Chiếm Phương	181	2	152,0	
333	Trần Thị Tút (CCCD là Trần Thị Hạnh)	Đông Môn	182	2	240,1	
334	Phạm Văn Thảo	Đông Môn	186	2	98,1	
335	Trịnh Văn Dự	Chiếm Phương	176	2	275,6	
			187	2	116,5	
336	Phạm Thị Tính (con trai Trịnh Văn Phát)	Chiếm Phương	192	2	273,5	
337	Phạm Văn Nhã (Vợ là Trịnh Thị Thùy)	Chiếm Phương	188	2	359,9	
			189	2	382,3	
338	Phạm Văn Be	Đông Môn	132	2	319,1	
			191	2	99,2	
339	Trịnh Văn Thoang	Đông Môn	193	2	296,0	
340	Trịnh Văn Hiền (Phạm Thị Huệ là vợ)	Chiếm Phương	194	2	812,8	
341	Trịnh Văn Nhi	Chiếm Phương	195	2	430,9	
342	Phạm Văn Điện (tách từ bà ông Phạm Văn Mơ)	Chiếm Phương	197	2	69,5	

343	Đỗ Thị Hợi	Chiếm Phương	149	2	465,7	
			199	2	46,8	
344	Phạm Văn Vị	Đông Môn	200	2	93,6	
345	Đoàn Văn Tạc	Chiếm Phương	144	2	295,7	
			201	2	88,0	
			202	2	85,8	
346	Phạm Văn Đắp	Đông Môn	203	2	203,8	
347	Phạm Thị Sen (Trần Văn Xường)	Chiếm Phương	204	2	361,2	
348	Đỗ Văn Thịnh	Chiếm Phương	205+196	2	1163,2	
349	Trịnh Văn Ý	Chiếm Phương	206	2	422,4	
350	Phạm Văn Liên	Chiếm Phương	207	2	468,2	
351	Phạm Văn Tỷ	Chiếm Phương	208	2	510,1	
352	UBND phường		209	2	11,0	
353	Phạm Văn Cư (Trần Thị Thuần là vợ)	Đông Môn	210	2	552,7	
354	Trịnh Văn Tri	Chiếm	212	2	655,3	

		Phường	183	2	402,0	
355	Đỗ Văn Thích	Chiếm Phường	213	2	418,5	
356	Đỗ Văn Ninh	Chiếm Phường	214	2	6,1	
357	Phạm Văn Chu	Đông Môn	215	2	131,1	
358	Phạm Văn Chiến (Hạt)	Đông Môn	216	2	121,7	
359	Trịnh Văn Quang (Nhi)	Chiếm Phường	218	2	123,9	
360	Nguyễn Thị Sợi	Chiếm Phường	219	2	349,3	
361	UBND phường		220(1)	2	70,6	
362	UBND phường		220(2)	2	1078,6	
363	UBND phường		222	2	45,3	
364	Trịnh Văn Vở	Chiếm Phường	223	2	57,3	
365	Phạm Văn Cư (Tơ)	Chiếm Phường	224	2	315,9	
366	Trịnh Văn Thúy	Chiếm Phường	225	2	774,5	
367	Đỗ Thị Dự	Chiếm Phường	226	2	539,6	
368	Đỗ Văn Thông	Chiếm Phường	227	2	509,8	

369	Phạm Văn Khải (Luu Văn Dũng)	Đông Môn	228	2	548,5	
370	Phạm Văn Giới	Đông Môn	229	2	254,1	
371	Đỗ Văn Việt	Chiếm Phương	230	2	243,1	
372	Trịnh Văn Mầm	Đông Môn	231	2	221,5	
373	Phạm Thị Hận (Đỗ Văn Trường)	Chiếm Phương	232	2	0,7	
374	Đỗ Văn Mật (Chuyên)	Chiếm Phương	233	2	195,6	
375	Đỗ Văn Lượng	Chiếm Phương	234	2	481,6	
376	Đỗ Văn Phúc (Nguyễn Thị Chính là vợ)	Đông Môn	235	2	525,3	
377	Phạm Văn Hải	Đông Môn	236	2	465,1	
378	UBND phường		237	2	11,0	
379	UBND phường		238	2	6,1	
380	Tô Văn Phương	Chiếm Phương	239	2	488,8	
381	UBND phường		240	2	7,7	
382	Phạm Văn Thắng	Đông Môn	241	2	533,1	
383	Phạm Văn Sông	Chiếm	242(1)	2	144,0	

		Phường	245	2	247,5	
384	Phạm Văn Thới	Đông Môn	243	2	334,0	
385	Vũ Văn Duyên	Chiếm Phường	244	2	307,3	
386	Trần Thị Hồng (Đỗ Văn Hạnh là chồng)	Chiếm Phường	242(2)	2	329,9	
			246	2	74,0	
387	UBND phường		247	2	114,0	
388	Trịnh Văn Lượng	Đông Môn	247	2	216,0	
389	Nguyễn Văn Soạn	Đông Môn	248+249	2	418,3	
			12+13	3	1952,2	
390	Lưu Văn Lâm (vợ là Đỗ Thị Thanh)	Đông Môn	1	3	51,2	
391	Lưu Văn Vinh	Đông Môn	2	3	329,0	
392	Nguyễn Thị Hạnh (con là Trịnh Văn Phong)	Đông Môn	3	3	587,3	
393	Trịnh Văn Bính	Đông Môn	4	3	305,0	
394	Bùi Văn Hạnh	Đông Môn	5	3	255,7	
395	Lưu Văn Quý	Đông Môn	6	3	433,1	

396	Tô Văn Minh	Đông Môn	8	3	182,3	
397	Đỗ Văn Lá	Đông Môn	7	3	342,8	
398	Phạm Văn Toàn (vợ là Lê Thị Thêm)	Đông Môn	9	3	445,3	
399	Phạm Văn Tính	Đông Môn	10	3	199,3	
400	Nguyễn Văn Tĩnh	Đông Môn	11	3	1,2	
401	Nguyễn Thị Vượng	Đông Môn	14	3	287,6	
402	Đặng Văn Đường	Đông Môn	15	3	475,2	
403	Vũ Văn Sỹ	Đông Môn	16	3	292,8	
404	UBND phường		17	3	1296,9	
TỔNG CỘNG					161361,3	